

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/KDTM-ST
Ngày: 18-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 91/2017/TLST-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2022/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 228/2022/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Quảng Cáo A;

Trụ sở: Số 510A đường Th, khóm B2, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn T, sinh năm 1978, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ liên lạc: Số 510A đường Th, khóm B2, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Luật sư Lê Văn P, Văn phòng luật sư Lê Văn P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; Địa chỉ: Số 64 đường Đ, phường Mỹ Long, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Luật sư Phan Đình H, Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ; Địa chỉ: Số 82 đường Đ18, khu dân cư B, phường K1, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên S;

Trụ sở: Số 10F3 đường L, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Đức H1, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ liên lạc: Số 10F3 đường L, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Xuân Th, sinh năm 1987; Cư trú: Số 46B/2, Khu vực I, Tổ S1, phường K1, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Khắc Ph1, Văn phòng luật sư Phạm Khắc Ph1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ; Địa chỉ: Số 19 đường Ph, phường Tr, B3, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị Ngọc H2;

Cư trú: Số 10F3 đường L, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: Ông Phạm Xuân Th, sinh năm 1987; Cư trú: Số 46B/2, Khu vực I, Tổ S1, phường K1, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ Quảng Cáo G;

Trụ sở: Số 258 đường L1, Phường M, quận B4, thành phố Hồ Chí Minh;

Trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 32 Đường số 3, K1, phường T2, Quận B5, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Thúy A1, sinh năm 1988, chức vụ: Giám đốc.

Tại phiên tòa, ông Trương Văn T, ông Lê Văn P, ông Phan Đình H, ông Phạm Xuân Th, ông Phạm Khắc Ph1 đều có mặt; ông Trương Đức H1, bà Phạm Thị Ngọc H2, bà Trương Thị Thúy A1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 21 tháng 02 năm 2017 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Quảng Cáo A (viết tắt là Công ty Quảng Cáo A) với Công ty TNHH một thành viên S (viết tắt là Công ty S) có ký kết Hợp đồng mua bán gỗ số 01/2017/HĐMB về việc mua bán gỗ sao xanh tròn. Theo nội dung Điều 1 của Hợp đồng này thì hai bên thỏa thuận loại hàng hóa mua bán là gỗ sao xanh đường kính 40 trở lên theo packing list kiểm lâm; tổng số lượng: 1000m³ (+/- 10%); giá 10.000.000/m³ (mười triệu đồng) giá đã bao gồm VAT. Tại khoản 3 Điều 2 của Hợp đồng này thỏa thuận nhận hàng: bên mua nghiệm tu và nhận hàng trong 35 ngày sau khi ký hợp đồng; hai bên cùng tiến hành kiểm tra chất lượng hàng tại kho bên bán, hàng được giao từng đợt theo yêu cầu bên mua. Theo khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng quy định về tiền cọc thì sau khi ký hợp đồng xong bên mua chuyển cho bên bán 1.000.000.000 đồng, sau 04 ngày chuyển thêm cho bên bán 4.000.000.000 đồng. Tiền cọc sẽ được trừ vào đợt hàng cuối cùng.

Thực hiện thỏa thuận trên của Hợp đồng ngày 21 tháng 02 năm 2017, Công ty Quảng Cáo A đã chuyển cho Công ty S 5.000.000.000 đồng tiền cọc, cụ thể:

- Ngày 24 tháng 02 năm 2017: chuyển 4.000.000.000 đồng vào tài sản khoản của Công ty S.

- Ngày 10 tháng 3 năm 2017: chuyển 1.000.000.000 đồng vào tài sản khoản của Công ty S.

Sau khi nhận tiền cọc được 10 ngày thì Công ty S có yêu cầu Công ty Quảng Cáo A chuyển tiếp 3.900.000.000 đồng tiền thanh toán gỗ thì mới tiến hành giao hàng; do Công ty S gặp khó khăn về tài chính. Công ty Quảng Cáo A đã thực hiện chuyển 3.900.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 20 tháng 3 năm 2017: chuyển 2.000.000.000 đồng vào tài sản khoản của Công ty S.

- Ngày 22 tháng 3 năm 2017: chuyển 1.900.000.000 đồng vào tài sản khoản của Công ty S.

Mặc dù, Công ty Quảng Cáo A đã thực hiện thanh toán tổng cộng 8.900.000.000 đồng, nhưng đã quá thời gian giao hàng mà Công ty S vẫn không giao hàng cho Công ty Quảng Cáo A. Ngày 04 tháng 11 năm 2017, Công ty Quảng Cáo A đã gửi Thông báo số 01/2017/TB cho Công ty S để yêu cầu giao gỗ theo thỏa thuận trong Hợp đồng ngày 21 tháng 02 năm 2017. Đến ngày 09 tháng 11 năm 2017, Công ty S gửi Công văn số 09/2017/CV.PĐ cho Công ty Quảng Cáo A xác nhận có nhận của Công ty Quảng Cáo A số tiền 8.900.000.000 đồng, nhưng lại nêu ý kiến về việc thực hiện một hợp đồng khác giữa Công ty S với Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ Quảng Cáo G (viết tắt là Công ty G), và nêu Công ty Quảng Cáo A đã nhận 129,415m³ gỗ. Vì những thông tin Công ty S nêu không chính xác nên Công ty Quảng Cáo A đã gửi Thông báo số 01/2017/PHCVPD ngày 15 tháng 11 năm 2017 cho Công ty S để nói rõ Hợp đồng mua bán gỗ ngày 21 tháng 02 năm 2017 được ký kết giữa Công ty S với Công ty Quảng Cáo A chứ không phải với Công ty G; Công ty Quảng Cáo A chưa nhận 129,415m³ gỗ; yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng ngày 21 tháng 02 năm 2017.

Đến ngày 21 tháng 11 năm 2017, Công ty Quảng Cáo A tiếp tục gửi Thông báo số 03/2017/TB yêu cầu Công ty S thực hiện giao hàng. Nhưng đến nay Công ty S vẫn không thực hiện giao hàng.

Do đó, Công ty Quảng Cáo A đã khởi kiện yêu cầu Công ty S phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng ngày 21 tháng 02 năm 2017, thực hiện giao số gỗ theo nội dung thỏa thuận mua bán trong hợp đồng cho Công ty Quảng Cáo A. Trường hợp Công ty S không thực hiện được việc giao hàng thì phải có trách nhiệm trả cho Công ty Quảng Cáo A số tiền 8.900.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 cho đến ngày xét xử và thi hành án.

Quá trình hòa giải, Công ty Quảng Cáo A xác định lại Công ty Quảng Cáo A yêu cầu Công ty S phải trả số tiền 8.900.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 cho đến ngày xét xử và thi hành án.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, Công ty Quảng Cáo A có ý kiến như sau: Không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn vì Công ty Quảng Cáo A đã trả tiền trước và cũng đã nhiều lần yêu cầu Công ty S giao gỗ nhưng công ty không thực hiện, vì vậy thiệt hại này không phải lỗi của nguyên đơn gây ra nên không đồng ý bồi thường.

Bị đơn Công ty S trình bày:

Ngày 01 tháng 02 năm 2017, Công ty S và Công ty Quảng Cáo G có ký kết Hợp đồng số 01/2017/HĐMB. Theo đó, Công ty S bán cho Công ty G gỗ sao xanh với số lượng gỗ sao xanh 1000m³ (+/- 10%); giá 19.200.000 đồng/m³. Công ty G là công ty mẹ và là người bỏ tiền ra để Công ty Quảng Cáo A trực tiếp đứng ra thực hiện Hợp đồng ngày 01 tháng 02 năm 2017, việc ký kết hợp đồng giữa Công ty S và Công ty G là thông qua sự đề nghị của ông Trương Văn T (giám đốc Công ty Quảng Cáo A). Theo đề nghị của ông T, sau 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng ngày 01 tháng 02 năm 2017 thì vào ngày 21 tháng 02 năm 2017, Công ty S đã ký với Công ty Quảng Cáo A Hợp đồng giả cách cũng lấy số 01/2017/HĐMB với mục đích để khi thực hiện Hợp đồng ngày 01 tháng 02 năm 2017, hai bên thống nhất xuất hóa đơn VAT giá thấp hơn so với Hợp đồng ngày 01 tháng 02 năm 2017, nên chỉ ghi: 10.000.000 đồng/m³ cho phù hợp để Công ty Quảng Cáo A vận chuyển gỗ trên đường. Nhưng thực tế không có thực hiện Hợp đồng ngày 21 tháng 02 năm 2017, mà hai bên Công ty đang thực hiện Hợp đồng ngày 01 tháng 02 năm 2017.

Công ty S đã nhận được số tiền thực hiện hợp đồng như sau:

- Ngày 24 tháng 02 năm 2017, Công ty Quảng Cáo A chuyển 4.000.000.000 đồng.
- Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Công ty Quảng Cáo A chuyển 1.000.000.000 đồng.
- Ngày 20 tháng 3 năm 2017, Công ty G chuyển 2.000.000.000 đồng.

Ngày 09 tháng 3 năm 2017 thì Công ty Quảng Cáo A nhận đợt hàng đầu tiên từ Công ty S là 129,415m³ gỗ trị giá 2.410.225.000 đồng; nhưng Công ty Quảng Cáo A chỉ thanh toán 2.231.072.000 đồng, còn thiếu 179.153.000 đồng. Sau đó, Công ty Quảng Cáo A không nhận bất cứ đợt gỗ nào nữa. Ông Trương Văn T thừa nhận việc này tại list giao khách hàng ngày 09 tháng 3 năm 2017.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, ông T đã trực tiếp ký hợp đồng bán khối lượng 463m³ gỗ (trong số còn lại 875m³ chưa nhận của Công ty S) cho ông Phạm Ngọc Phú với giá 17.000.000 đồng/m³. Vào ngày 06 tháng 10 năm 2017, ông T có làm Văn bản thỏa thuận với Công ty S nội dung như sau: Thừa nhận ngày 01 tháng 02 năm 2017 Công ty Quảng Cáo A có ký Hợp đồng mua bán gỗ với Công ty S; thừa nhận có vi phạm thời hạn nhận hàng và đồng ý để Công ty S chuyển gỗ từ cửa khẩu Bình Phước về X, đồng thời Công ty Quảng Cáo A do ông T đại diện đề nghị Công ty S giao số gỗ 463m³ cho ông Phạm Ngọc P3 và ông P3 đã chuyển tiền cọc cho ông T 300.000.000 đồng.

Như vậy, Công ty Quảng Cáo A đã vi phạm thời hạn nhận hàng mà các bên cam kết. Vì vậy, Công ty S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì Hợp đồng mua bán gỗ ngày 21 tháng 02 năm 2017 chỉ là hợp đồng giả tạo để cho Công ty Quảng Cáo A thực hiện báo cáo với cơ quan nhà nước chứ không có giá trị pháp lý. Công ty S có đơn phản tố yêu cầu: Chấm dứt Hợp đồng mua bán gỗ ngày 21 tháng 02 năm 2017; đồng ý tiếp tục thực hiện Hợp đồng ngày 01 tháng 02 năm 2017 và sẽ giao đủ số gỗ 875m³ với giá 19.200.000 đồng/m³ cho Công ty G và Công ty Quảng Cáo A; yêu cầu buộc Công ty Quảng Cáo A và Công ty G phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng, cụ thể:

- Tiền lãi do vi phạm thời hạn nhận hàng và trả tiền hàng theo Hợp đồng ngày 01 tháng 02 năm 2017 là 946.765.056 đồng.

- Chi phí vận chuyển từ Bình Phước về X là 660.000.000 đồng.

- Tiền nợ đối với số hàng hóa đã nhận: 179.153.000 đồng

Tổng cộng: 1.785.918.056 đồng.

Như vậy, Công ty S đồng ý tiếp tục thanh toán số tiền còn lại là 7.114.081.944 đồng theo hình thức sẽ trả gỗ tương đương 370,53m³.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Phạm Thị Ngọc H2 do ông Phạm Xuân Th đại diện trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bị đơn.

- Công ty G trình bày: Công ty G không biết và không có liên quan đến việc mua bán giữa Công ty Quảng Cáo A với Công ty S theo Hợp đồng số 01/2017/HĐMB ngày 21 tháng 02 năm 2017. Đối với số tiền 3.900.000.000 đồng chuyển vào ngày 20 tháng 3 năm 2017 và 22 tháng 3 năm 2017 thì đây là tiền mà Công ty G cho Công ty Quảng Cáo A mượn tiền. Hiện nay Công ty G và Công ty Quảng Cáo A đã tất toán xong. Đối với Hợp đồng ngày 01 tháng 02 năm 2017 giữa Công ty S với Công ty G, thì Công ty G yêu cầu chấm dứt hợp đồng vì Công ty S không chịu giao gỗ.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Đại diện cho Công ty Quảng Cáo A và Công ty S, bà Phạm Thị Ngọc H2 cùng trình bày: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết các vấn đề sau:

- Chấm dứt Hợp đồng mua bán gỗ số 01/2017/HĐMB ngày 21 tháng 02 năm 2017 giữa Công ty Quảng Cáo A với Công ty S.

- Công ty S có nghĩa vụ trả cho Công ty Quảng Cáo A số tiền tổng cộng: 11.200.000.000 đồng (mười một tỷ hai trăm triệu đồng) bao gồm: tiền nợ gốc 8.900.000.000 đồng (tám tỷ chín trăm triệu đồng), tiền lãi từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày 18 tháng 8 năm 2022 là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Yêu cầu Hội đồng xét xử Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2019/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 10 năm 2019 áp dụng biện pháp cấm xuất cảnh đối với Trương Đức H1. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 01 tháng 6 năm 2018 phong tỏa tài sản nơi gửi giữ.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm, Công ty S phải trả trước cho Công ty Quảng Cáo A số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Đại diện Công ty S ông Phạm Xuân Th trình bày: Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nay Công ty S thay đổi yêu cầu: không yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán gỗ ngày 01 tháng 02 năm 2017 nữa mà yêu cầu chấm dứt Hợp đồng mua bán gỗ ngày 01 tháng 02 năm 2017 vì các bên không thực hiện hợp đồng này. Đồng thời, rút lại yêu cầu về việc buộc Công ty Quảng Cáo A và Công ty G bồi thường thiệt hại.

Ý kiến của luật sư Lê Văn P và luật sư Phan Đình H: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ý kiến của luật sư Phạm Khắc Ph1: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn đã thay đổi yêu cầu phản tố và rút một phần yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận việc thay đổi và rút yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, (1) Nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết Hợp đồng mua bán gỗ ngày 21 tháng 02 năm 2017; thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, không vi phạm điều cấm; nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận: Chấm dứt Hợp đồng mua bán gỗ số 01/2017/HĐMB ngày 21 tháng 02 năm 2017 giữa Công ty Quảng Cáo A với Công ty S. Đồng thời, buộc Công ty S có nghĩa vụ trả cho Công ty Quảng Cáo A số tiền tổng cộng: 11.200.000.000 đồng (mười một tỷ hai trăm triệu đồng) bao gồm: tiền nợ gốc 8.900.000.000 đồng (tám tỷ chín trăm triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 18 tháng 8 năm 2022 là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng). (2) Đối với việc bị đơn thay đổi yêu cầu phản tố về Hợp đồng mua bán gỗ ngày 01 tháng 02 năm 2017 và rút một phần yêu cầu phản tố về buộc Công ty Quảng Cáo A và Công ty G bồi thường thiệt hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, không vi phạm điều cấm; Hợp đồng mua bán gỗ ngày 01 tháng 02 năm 2017 không được các bên thực hiện và Công ty G cũng có ý kiến không đồng ý thực hiện hợp đồng này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chấm dứt hợp đồng và đình chỉ phần yêu cầu phản tố của bị đơn về buộc Công ty Quảng Cáo A và Công ty G bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều là pháp nhân có đăng ký kinh doanh; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn có trụ sở tại thành phố X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố X thì Công ty G có trụ sở doanh nghiệp đăng ký là tại số 32 Đường số 3, K1, phường T2, Quận B5, thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty G theo địa chỉ trụ sở do Công ty cung cấp và địa chỉ Công ty đăng ký kinh doanh là

phù hợp với quy định pháp luật. Công ty G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ông Phạm Xuân Th được đại diện theo pháp luật của Công ty S và bà Phạm Thị Ngọc H2 ủy quyền tham gia tố tụng bằng Văn bản ủy quyền có công chứng; được lập đúng quy định pháp luật; nên ông Phạm Xuân Th được xác định là người đại diện theo ủy quyền của Công ty S và bà H2 theo quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Giữa Công ty Quảng Cáo A và Công ty S có ký kết Hợp đồng mua bán gỗ số 01/2017/HĐMB ngày 21 tháng 02 năm 2017. Công ty Quảng Cáo A có thực hiện việc thanh toán số tiền 8.900.000.000 đồng cho Công ty S và được Công ty S thừa nhận. Giữa Công ty G và Công ty S có ký kết Hợp đồng mua bán gỗ số 01/2017/HĐMB ngày 01 tháng 02 năm 2017.

[3.2] Tại phiên tòa, Công ty Quảng Cáo A, Công ty S và bà Phạm Thị Ngọc H2 đã tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết các vấn đề như nêu trên. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

[3.2.1] Chấm dứt Hợp đồng mua bán gỗ số 01/2017/HĐMB ngày 21 tháng 02 năm 2017 giữa Công ty Quảng Cáo A với Công ty S.

[3.2.2] Công ty S có nghĩa vụ trả cho Công ty Quảng Cáo A số tiền tổng cộng: 11.200.000.000 đồng (mười một tỷ hai trăm triệu đồng) bao gồm: tiền nợ gốc 8.900.000.000 đồng (tám tỷ chín trăm triệu đồng), tiền lãi từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày 18 tháng 8 năm 2022 là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng).

[3.2.3] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 436 Bộ luật Dân sự.

[3.2.4] Đối với nội dung thỏa thuận về phương thức thanh toán là việc các bên thực hiện sau khi Tòa án xét xử, trong quá trình thi hành án. Tòa án không xem xét, giải quyết về phương thức thanh toán, thi hành án.

[3.3] Đối với việc thay đổi yêu cầu phản tố của Công ty S không vượt quá phạm vi yêu cầu phản tố ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để giải quyết. Xét thấy: Công ty Quảng Cáo A không thừa nhận việc ký và thực hiện Hợp đồng mua bán gỗ ngày 01 tháng 02 năm 2017. Công ty G thừa nhận có ký kết Hợp đồng mua bán gỗ ngày 01 tháng 02 năm 2017, nhưng các bên chưa thực hiện hợp đồng. Nay Công ty G cũng cung cấp ý kiến không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng này. Công ty S cũng yêu cầu chấm dứt Hợp đồng mua bán gỗ ngày 01 tháng

02 năm 2017. Vì vậy, yêu cầu chấm dứt hợp đồng của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Đối với việc rút yêu cầu phản tố của Công ty S về việc yêu cầu Công ty Quảng Cáo A và Công ty G bồi thường thiệt hại, là sự tự nguyện của Công ty S, phù hợp với quy định pháp luật, không vi phạm điều cấm, nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[4] Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Các đương sự thống nhất yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2019/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố X áp dụng biện pháp cấm xuất cảnh đối với Trương Đức H1; hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X phong tỏa tài sản nơi gửi giữ. Tài sản bị phong tỏa cũng đã được Công ty S bán cho công ty khác. Do đó, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự để hủy bỏ các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Vì hủy bỏ các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên Công ty Quảng Cáo A được nhận lại số tiền bảo đảm đã nộp là 400.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Các bên đạt được thỏa thuận, hoà giải thành tại phiên toà nên vẫn phải chịu án phí như trường hợp xét xử vụ án; nên Công ty Quảng Cáo A không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Công ty S tự nguyện chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định. Các đương sự khác không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 39, 138, 144, 147, 227, 228, 235, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 24, 25, 50, 55, 306 Luật Thương mại năm 2005.
- Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Quảng Cáo A; Công ty TNHH một thành viên S; bà Phạm Thị Ngọc H2.

- Chấm dứt Hợp đồng mua bán gỗ số 01/2017/HĐMB ngày 21 tháng 02 năm 2017 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Quảng Cáo A với Công ty TNHH một thành viên S.

- Công ty TNHH một thành viên S có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Quảng Cáo A số tiền tổng cộng: 11.200.000.000 đồng (mười một tỷ hai trăm triệu đồng) bao gồm: tiền nợ gốc 8.900.000.000 đồng (tám tỷ chín trăm triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 18 tháng 8 năm 2022 là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH một thành viên S đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Quảng Cáo A và Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ Quảng Cáo G về việc hủy Hợp đồng mua bán gỗ số 01/2017/HĐMB ngày 01 tháng 02 năm 2017.

Hủy Hợp đồng mua bán gỗ số 01/2017/HĐMB ngày 01 tháng 02 năm 2017 giữa Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ Quảng Cáo G với Công ty TNHH một thành viên S.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH một thành viên S về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Quảng Cáo A và Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ Quảng Cáo G bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

4. Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

- Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2019/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang, về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” đối với ông Trương Đức H1.

- Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ của người có nghĩa vụ” là Công ty TNHH một thành viên S.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Quảng Cáo A được nhận lại số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) trong tài khoản phong tỏa số 070072039899 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch X, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 05/2018/QĐ-BPBD ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Quảng Cáo A không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.450.000 đồng (năm mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003728 ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Công ty TNHH một thành viên S chịu tiền án phí sơ thẩm là 119.200.0000 đồng (một trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Quảng Cáo A và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH một thành viên S; tổng cộng là 119.500.000 đồng (một trăm mười chín triệu năm trăm nghìn đồng); nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.789.000 đồng (ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008878 ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; Công ty TNHH một thành viên S còn phải nộp tiếp số tiền 86.711.000 đồng (tám mươi sáu triệu bảy trăm mười một nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. AN Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (7);
- Văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang